



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 49688/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Sữa uống dinh dưỡng - Optimum Gold  
Ký hiệu mẫu: V-SUDD-69
2. Mã số mẫu: 122312996/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 12.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
7. Thời gian thử nghiệm: 21/12/2023 - 29/12/2023
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Vi sinh vật

| STT  | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị | Phương pháp thử  | Kết quả         |
|------|------------------------|--------|------------------|-----------------|
| 9.1* | Enterobacteriaceae     | CFU/mL | ISO 21528-2:2017 | KPH<br>(LOD: 1) |
| 9.2* | Listeria monocytogenes | CFU/mL | ISO 11290-2:2017 | KPH<br>(LOD: 1) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**TS. Trần Cao Sơn**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 49690/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

- Tên mẫu: Sữa uống dinh dưỡng - Optimum Gold  
Ký hiệu mẫu: V-SUDD-69
- Mã số mẫu: 122312996/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 12.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
- Thời gian thử nghiệm: 21/12/2023 - 29/12/2023
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

| STT  | Tên chỉ tiêu        | Đơn vị | Phương pháp thử          | Kết quả             |
|------|---------------------|--------|--------------------------|---------------------|
| 9.1* | Hàm lượng Arsenic   | mg/kg  | AOAC 2015.01<br>(ICP-MS) | KPH<br>(LOD: 0,007) |
| 9.2* | Hàm lượng Cadmi     | mg/kg  | AOAC 2015.01<br>(ICP-MS) | KPH<br>(LOD: 0,004) |
| 9.3* | Hàm lượng Chì       | mg/kg  | AOAC 2015.01<br>(ICP-MS) | KPH<br>(LOD: 0,004) |
| 9.4* | Hàm lượng Thủy ngân | mg/kg  | AOAC 2015.01<br>(ICP-MS) | KPH<br>(LOD: 0,004) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**TS. Trần Cao Sơn**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 49689/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

- Tên mẫu: Sữa uống dinh dưỡng - Optimum Gold  
Ký hiệu mẫu: V-SUDD-69
- Mã số mẫu: 122312996/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 12.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
- Thời gian thử nghiệm: 21/12/2023 - 29/12/2023
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

| STT  | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả            |
|------|------------------------|--------|-----------------------------|--------------------|
| 9.1* | Hàm lượng Aflatoxin M1 | µg/kg  | NIFC.04.M.032<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,01) |
| 9.2* | Hàm lượng Melamin      | mg/kg  | NIFC.04.M.058<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,05) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**TS. Trần Cao Sơn**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 49687/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Sữa uống dinh dưỡng - Optimum Gold  
Ký hiệu mẫu: V-SUDD-69
2. Mã số mẫu: 122312996/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 12.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
7. Thời gian thử nghiệm: 21/12/2023 - 29/12/2023
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

| STT   | Tên chỉ tiêu                | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả              |
|-------|-----------------------------|--------|-----------------------------|----------------------|
| 9.1*  | Hàm lượng Abamectin         | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.2*  | Hàm lượng Aldrin & Dieldrin | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.3*  | Hàm lượng Chlordane         | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,0005) |
| 9.4   | Hàm lượng Chlormequat       | mg/kg  | NIFC.04.M.026<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,01)   |
| 9.5*  | Hàm lượng Chlorpyrifos      | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.6*  | Hàm lượng DDT               | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.7*  | Hàm lượng Dimethoate        | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.8*  | Hàm lượng Disulfoton        | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.9*  | Hàm lượng Endosulfan        | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001)  |
| 9.10* | Hàm lượng Ethephon          | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003)  |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

| STT   | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả             |
|-------|---------------------------------|--------|-----------------------------|---------------------|
| 9.11* | Hàm lượng Fipronil              | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001) |
| 9.12* | Hàm lượng Flumethrin            | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003) |
| 9.13* | Hàm lượng Heptachlor            | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001) |
| 9.14* | Hàm lượng Lindan                | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001) |
| 9.15* | Hàm lượng Methamidophos         | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003) |
| 9.16* | Hàm lượng Penconazole           | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003) |
| 9.17* | Hàm lượng Piperonyl<br>butoxide | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003) |
| 9.18* | Hàm lượng Spinosad              | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003) |
| 9.19* | Hàm lượng Tebufenozide          | mg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,003) |
| 9.20* | Hàm lượng Thiabendazole         | mg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,001) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**TS. Trần Cao Sơn**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
- (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 49692/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

- Tên mẫu: Sữa uống dinh dưỡng - Optimum Gold  
Ký hiệu mẫu: V-SUDD-69
- Mã số mẫu: 122312996/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 12.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
- Thời gian thử nghiệm: 21/12/2023 - 29/12/2023
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

| STT   | Tên chỉ tiêu                                    | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả            |
|-------|-------------------------------------------------|--------|-----------------------------|--------------------|
| 9.1*  | Hàm lượng Albendazole                           | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.2*  | Hàm lượng Amoxicillin                           | µg/kg  | NIFC.04.M.004<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,3)  |
| 9.3*  | Hàm lượng Benzyl penicilin                      | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,5)  |
| 9.4*  | Hàm lượng Ceftiofur                             | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.5*  | Hàm lượng Chlortetracyclin                      | µg/kg  | NIFC.04.M.001<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 5,0)  |
| 9.6*  | Hàm lượng Clenbuterol                           | µg/kg  | NIFC.04.M.015<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,01) |
| 9.7*  | Hàm lượng Colistin                              | µg/kg  | NIFC.04.M.014<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 10)   |
| 9.8*  | Hàm lượng Cyfluthrin                            | µg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.9*  | Hàm lượng Cyhalothrin                           | µg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.10* | Hàm lượng Cypermethrin và<br>alpha-Cypermethrin | µg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

| STT   | Tên chỉ tiêu                     | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả            |
|-------|----------------------------------|--------|-----------------------------|--------------------|
| 9.11* | Hàm lượng Deltamethrin           | µg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(GC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.12* | Hàm lượng Dexamethasone          | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,05) |
| 9.13* | Hàm lượng<br>Dihydrostreptomycin | µg/kg  | NIFC.04.M.003<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 15)   |
| 9.14* | Hàm lượng Diminazene             | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0)  |
| 9.15* | Hàm lượng Doramectin             | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0)  |
| 9.16* | Hàm lượng Eprinomectin           | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0)  |
| 9.17* | Hàm lượng Febantel               | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.18* | Hàm lượng Fenbendazole           | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.19* | Hàm lượng Gentamicin             | µg/kg  | NIFC.04.M.003<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 15)   |
| 9.20* | Hàm lượng Imidocarb              | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0)  |
| 9.21* | Hàm lượng Isometamidium          | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0)  |
| 9.22* | Hàm lượng Ivermectin             | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0)  |
| 9.23* | Hàm lượng Lincomycin             | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.24* | Hàm lượng Monensin               | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |
| 9.25* | Hàm lượng Neomycin               | µg/kg  | NIFC.04.M.003<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 15)   |
| 9.26* | Hàm lượng Oxfendazole            | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0)  |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

| STT   | Tên chỉ tiêu                          | Đơn vị | Phương pháp thử             | Kết quả           |
|-------|---------------------------------------|--------|-----------------------------|-------------------|
| 9.27* | Hàm lượng Oxytetracyclin              | µg/kg  | NIFC.04.M.001<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 5,0) |
| 9.28* | Hàm lượng Pirlimycin                  | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0) |
| 9.29* | Hàm lượng Procaine<br>Benzylpenicilin | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 0,5) |
| 9.30* | Hàm lượng Spectinomycin               | µg/kg  | NIFC.04.M.003<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 15)  |
| 9.31* | Hàm lượng Spiramycin                  | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0) |
| 9.32* | Hàm lượng Streptomycin                | µg/kg  | NIFC.04.M.003<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 15)  |
| 9.33* | Hàm lượng Sulfadimidine               | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0) |
| 9.34* | Hàm lượng Tetracyclin                 | µg/kg  | NIFC.04.M.001<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 5,0) |
| 9.35* | Hàm lượng Thiabendazole               | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0) |
| 9.36  | Hàm lượng Trichlorfon                 | µg/kg  | NIFC.04.M.023<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 3,0) |
| 9.37* | Hàm lượng Tylosin                     | µg/kg  | NIFC.04.M.010<br>(LC-MS/MS) | KPH<br>(LOD: 1,0) |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**TS. Trần Cao Sơn**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
- (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.